

Nghiên cứu về du lịch cộng đồng ở Việt Nam: nguồn lực phát triển và những trở ngại

Phạm Thị Cẩm Vân*

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Tóm tắt: Thông qua việc tìm hiểu các nghiên cứu về du lịch cộng đồng (DLCĐ) của các học giả trong nước, bài viết này¹ giới thiệu một số quan điểm về DLCĐ, điều kiện cũng như nguồn lực để DLCĐ phát triển. Các nội dung chính được đề cập bao gồm: khái niệm, nguồn lực, vai trò của DLCĐ trong phát triển, và các trở ngại mà du lịch cộng đồng đang gặp phải. Từ kết quả tổng quan cho thấy, các nguồn lực về tự nhiên, bản sắc văn hóa, điều kiện kinh tế - xã hội là điều kiện cần, sự tham gia của người dân địa phương là yếu tố then chốt để DLCĐ phát triển. Bên cạnh đó, một số yếu tố trở ngại đối với hoạt động DLCĐ ở nước ta hiện nay bao gồm: yếu tố về chính sách, dịch bệnh và suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu; sự biến đổi văn hóa.

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, nguồn lực, trở ngại.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Through an examination of domestic scholarly research, this article introduces some fundamental views about community-based tourism including the conditions and resources required for its development. The main contents discussed include the concept, resources and the role of community tourism in development, and the obstacles that community tourism is facing. The overall results show that natural resources, cultural identity, socio-economic conditions are necessary conditions, besides the key factors are the participation of local people for community-based tourism development. In addition, the factors hindering the development of community tourism activities include policy factors, disease and environmental degradation, climate change; cultural change issues.

Keywords: Community-based tourism, resources, obstruction.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Phát triển du lịch (DL) được nhiều quốc gia xác định là hướng đi để tăng trưởng kinh tế, duy trì ổn định, hòa nhập xã hội, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Việt Nam là một quốc gia có nhiều tiềm năng (tự nhiên, văn hóa, xã hội) để phát triển DL, Chính phủ Việt Nam đã và đang ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động này trên phạm vi cả nước. Thực tế cho đến nay, DL đã đóng góp những con số đáng kể trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta: năm 2019, DL đã tạo ra 755 nghìn tỷ đồng, lượng khách quốc tế đến Việt Nam cao hơn mức trung bình toàn cầu (3,8%) và khu vực châu Á và Thái Bình Dương (4,6%) (Tổng cục Du lịch, 2019); Năm 2020, Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của dịch Covid-19 trong hoạt động DL, nhưng đến năm 2023, du khách quốc tế đến Việt Nam đã tăng gấp 3,5 lần so với năm 2022 và mức phục hồi đạt 70% so với năm 2019 (Trung tâm Thông tin du lịch, 2023).

*Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phamcamvan0403@gmail.com

¹ Đây là kết quả nghiên cứu của đề tài “Khai thác các nguồn lực trong phát triển du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An” do TS. Phạm Thị Cẩm Vân làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là cơ quan chủ trì.

Du lịch cộng đồng là loại hình DL được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi (Quốc hội, 2017). DLCĐ đã, đang được Chính phủ và rất nhiều địa phương xác định là loại hình DL được ưu tiên phát triển, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số (DTTS). Bởi lẽ, loại hình DL này được đánh giá là có vai trò tích cực trong việc giảm nghèo, phát triển kinh tế, lưu giữ bản sắc văn hóa tộc người, bảo vệ môi trường, thúc đẩy hội nhập xã hội. Thêm vào đó, DLCĐ cũng được dự báo sẽ phát triển trong tương lai (Bùi Thị Hải Yến, 2008). Cho đến nay, nghiên cứu về DLCĐ được thực hiện theo nhiều cách tiếp cận khác nhau như: tiếp cận dưới góc độ kinh tế, tiếp cận dưới góc độ nhân học, tiếp cận dưới góc độ môi trường,... Với sự đa dạng các nội dung nghiên cứu về DLCĐ ở nước ta, bài viết này được thực hiện nhằm phân tích các nguồn lực cho phát triển du lịch cộng đồng cũng như những trở ngại trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng ở nước ta hiện nay. Từ đó nhận định những nội dung chưa được đề cập để định hướng trong những nghiên cứu tiếp theo. Cơ sở dữ liệu dựa trên tổng quan các nghiên cứu về du lịch cộng đồng ở nước ta, đặc biệt là từ khi ra đời Luật Du lịch năm 2017.

2. Quan niệm về du lịch cộng đồng

Thuật ngữ DLCĐ được sử dụng lần đầu tiên trên thế giới khoảng thời gian những năm 1970, và phát triển mạnh mẽ hơn vào những năm 1990. Ở Việt Nam, từ khi ra đời cho đến nay, quan niệm về DLCĐ được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu, nội hàm về DLCĐ được nhấn mạnh sự kiểm soát và tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động du lịch, lợi ích của du lịch thuộc về cộng đồng. DLCĐ là phương thức phát triển bền vững mà cộng đồng địa phương có sự tham gia chủ yếu trong mọi hoạt động DL và trong các giai đoạn phát triển của DL... phần lớn lợi nhuận từ hoạt động DL nhằm phát triển cộng đồng, bảo tồn, khai thác tài nguyên môi trường DL bền vững, đáp ứng các nhu cầu DL phong phú, có chất lượng cao và hợp lý của du khách (Bùi Thị Hải Yến, 2008).

Nhiều nghiên cứu về DLCĐ đồng nhất quan điểm DLCĐ là hoạt động DL có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào tất cả các hoạt động DL, trong đó có cả kinh doanh dịch vụ DL (Võ Quê, 2006; Quỹ châu Á và Viện nghiên cứu và phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam, 2012). Đồng thời, các khái niệm đều nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong việc khai thác các nguồn lực của các hệ sinh thái (sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn) để tạo ra hiệu quả về kinh tế, đồng thời bảo vệ tài nguyên môi trường trong cộng đồng. Phạm Thị Cẩm Vân (2018) đề cập đến khái niệm Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, trong đó đề cao vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch: *DL sinh thái dựa vào cộng đồng là một dạng của DL sinh thái mà hoạt động du lịch dựa trên các nguồn tài nguyên sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn sẵn có, trong đó cộng đồng địa phương có thể đang, sẽ tham gia và họ được hưởng lợi từ hoạt động DL đó mang lại. Sự sẵn sàng tham gia của cộng đồng địa phương được thể hiện ở các mặt: (1) Nhận thức của cộng đồng về du lịch; (2) Hình thức tham gia vào du lịch của cộng đồng; (3) Ý thức bảo tồn của cộng đồng địa phương.*

Với các học giả nước ngoài, nội hàm về DLCĐ được đưa ra là: trong hoạt động DL, người dân địa phương chủ yếu đứng ra phát triển và quản lý, lợi ích thu được từ du lịch sẽ phát triển kinh tế địa phương (Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas, 2000). Không chỉ đề cao vai trò của cộng đồng địa phương trong hoạt động DLCĐ, Bộ tiêu chuẩn về DLCĐ ASIAN (2016) tập trung vào việc bảo vệ các truyền thống văn hóa xã hội các giá trị và các tài nguyên di sản văn hóa, thiên nhiên của cộng đồng. Một số nghiên cứu còn nhấn mạnh đến các yếu tố quan trọng để DLCĐ phát triển, bao gồm: (i) *Sự hỗ trợ của chính phủ* (Chính phủ có vai trò như một cơ quan hỗ trợ, điều phối và tăng cường thể chế cho hoạt động DLCĐ); (ii) *Sự tham gia của các bên liên quan* (DLCĐ được mô tả là một loạt các hoạt động nhằm tăng cường hỗ trợ từ

hiều tổ chức nhằm phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng); *(iii) chia sẻ lợi nhuận công bằng* (DLCĐ không chỉ đem lại lợi ích trực tiếp cho những người kinh doanh DL nhận được, DLCĐ đem đến lợi ích gián tiếp cho cộng đồng chưa tham gia kinh doanh DL) (Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas, 2000; Mtapuri, Giampiccoli, 2017); *iv) sử dụng bền vững nguồn tài nguyên địa phương* (Một trong những thế mạnh của DLCĐ là sự phụ thuộc lớn vào tài nguyên thiên nhiên và văn hóa địa phương. Đây là tài sản được sở hữu và quản lý bởi tất cả các thành viên trong cộng đồng. Nguồn tài sản này có thể thúc đẩy nhận thức, lòng tự trọng và niềm tự hào ở tất cả các thành viên trong cộng đồng và cộng đồng có ý thức bảo vệ tài nguyên này); *v) tăng cường thể chế địa phương* (DLCĐ hoạt động hiệu quả thì cần có sự tham gia của các tổ quản lý/ban quản lý (thể chế địa phương) với các thành viên trong cộng đồng, mục đích chính là điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người, tài nguyên và du khách) (Goodwin, H., & Santilli, R, 2009). Cho đến nay, để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động DL, đặc biệt là DLCĐ, Luật Du lịch đã được Quốc hội thông qua vào năm 2017 và nêu rõ *DLCĐ là loại hình DL được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi* (Quốc hội, 2017). Hiện nay, DLCĐ đã phát triển mạnh ở tất cả các vùng miền của nước ta.

3. Nguồn lực cho phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam

Hoạt động du lịch của một địa phương hay một điểm đến sẽ phụ thuộc vào những nguồn lực của nơi đó. Các nguồn lực ấy bao gồm: nguồn lực tự nhiên (vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên đẹp, khí hậu tốt cho sức khỏe, nguồn nước khoáng,...), nguồn lực văn hóa (di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, làng nghề truyền thống,...), nguồn lực kinh tế xã hội và các nguồn lực khác (điều kiện về kinh tế, cơ sở vật chất xã hội, chính sách phát triển du lịch...).

Từ năm 1990, lần đầu tiên nước ta phát động “Năm du lịch Việt Nam”, từ đó đến nay việc khai thác các nguồn lực cho hoạt động DL nói chung và DLCĐ nói riêng đã từng bước được quan tâm và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển (Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa, 2010). Cùng với đó, các nghiên cứu về hoạt động du lịch cũng được thực hiện ở nhiều khía cạnh trong đó có khai thác các nguồn lực trong phát triển du lịch.

* Khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch

Với sự đa dạng về thành phần tộc người, trong đó người Kinh chiếm 85,7% dân số, tiếp đến là người Tày, Thái, Mường, Khơ-me... Cùng với lịch sử tụ cư và quá trình khám phá các vùng đất mới, cộng đồng dân tộc trên đất nước ta đã tạo ra những đặc trưng văn hóa riêng, và đây là nguồn lực quan trọng để mỗi vùng miền lựa chọn phát triển DLCĐ đặc thù.

Nhắc đến nguồn lực văn hóa trong phát triển DL nói chung và DLCĐ nói riêng, nước ta có hệ thống các tài nguyên văn hóa có giá trị để thu hút khách du lịch. Tính đến tháng 12/2024, Việt Nam có 142 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và trên ba nghìn di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Một số di tích đã được UNESCO công nhận về giá trị đặc biệt của di sản. Với sự đa dạng về cộng đồng dân tộc cùng sinh sống, nước ta có trên 8.000 lễ hội của cộng đồng với khoảng 90% là lễ hội truyền thống và tôn giáo (Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa, 2017). Bên cạnh đó, tính đến năm 2023, nước ta có khoảng 5.400 làng nghề và làng có nghề, trong đó có khoảng gần 2.000 làng nghề truyền thống (Phạm Hồng Long, 2022). Chỉ với một vài con số thống kê trên cho thấy, nước ta có đầy đủ điều kiện cần để khai thác các nguồn lực văn hóa cho phát triển DL nói chung và DLCĐ nói riêng. Cùng với sự đa dạng về nguồn lực văn hóa cho phát triển DL, các nghiên cứu về chủ đề này cũng được quan tâm nghiên cứu.

Thông qua nghiên cứu mô hình du lịch nói chung và DLCĐ tại một số làng nghề truyền thống, nhóm tác giả Phạm Hồng Long và Lê Thị Huyền Trang (2022) đưa ra quan điểm

rằng: hoạt động du lịch tại các làng nghề không chỉ mang lại lợi ích về mặt kinh tế mà còn góp phần vào việc bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, để DL thành công thì một trong những yếu tố quyết định đó là cần có cơ chế quản lý đảm bảo lợi ích trong cộng đồng. Tìm hiểu hoạt động du lịch tại khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn² tác giả Phạm Thị Trâm (2024) cho biết: khu vực Cao nguyên Đồng Văn không chỉ có giá trị về thiên nhiên, nơi đây còn chứa đựng nhiều nét văn hóa độc đáo của cộng đồng dân cư tại chỗ. Bằng việc khai thác các giá trị tự nhiên và văn hóa, tỉnh Hà Giang đã định hướng và xây dựng các làng DLCĐ: làng văn hóa Bó Y, làng văn hóa DLCĐ Lũng Tám (xã Lũng Tám, huyện Quản Bạ), làng văn hóa cộng đồng Mông Village (thôn Tráng Kim, xã Đồng Hà, huyện Quản Bạ), làng văn hóa Nậm Dăm (xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ), làng văn hóa Lô Lô Chải (xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn),... Theo đó, các điểm du lịch này đã bước đầu khẳng định được vai trò trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tiếp nối chủ đề nghiên cứu ở khu vực phía Bắc, tác giả Đinh Trọng Thu (chủ biên, 2022) đã tập trung tìm hiểu về *tài nguyên văn hóa để phát triển du lịch bền vững vùng Tây Bắc*. Các tác giả cho rằng, vùng Tây Bắc, với sự đa dạng về tài nguyên văn hóa, có nhiều tiềm năng để khai thác phục vụ phát triển DL. Các địa phương trong vùng cũng đã khai thác những thế mạnh này để phát triển kinh tế, tăng thu nhập hộ gia đình thông qua cung cấp dịch vụ nghỉ trọ, bán hàng, hướng dẫn khách DL, biểu diễn văn nghệ, vận chuyển khách,... Nghiên cứu cũng chỉ rõ những khó khăn được đặt ra trong quá trình khai thác tài nguyên văn hóa cho phát triển DL, nơi đây là nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, sự liên kết giữa các điểm DL và sự phối hợp giữa chính quyền - nhân dân còn chưa được đồng bộ, đặc biệt là chưa có quy hoạch tổng thể nhằm bảo tồn và gìn giữ, phát huy giá trị tài nguyên văn hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư cho hoạt động DL. Với các nguồn lực về tự nhiên, văn hóa, xã hội, DLCĐ khu vực Tây Bắc nói chung và đặc biệt ở huyện Mai Châu (tỉnh Hòa Bình) và huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La) có thể phát triển các hoạt động DL: Homestay và trải nghiệm không gian văn hóa bản làng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp nông thôn. Tuy nhiên, những thách thức mà DLCĐ nơi đây gặp phải đó làm sản phẩm du lịch chưa đa dạng, cảnh quan làng bản bị biến đổi, bản sắc văn hóa phai nhạt, khó khăn về vốn đầu tư, nguồn nhân lực và tính cạnh tranh với các sản phẩm du lịch trong vùng (Phạm Thị Cẩm Vân, Đoàn Việt, 2021).

Ở một khía cạnh khác, Đặng Thị Diệu Trang cùng cộng sự (2019) trong nghiên cứu về *Du lịch dựa vào cộng đồng và sự biến đổi văn hóa địa phương* cho rằng, DLCĐ được coi là hình thức kết nối người dân với nền kinh tế thị trường trong sự tác động của hàng hóa văn hóa địa phương, nhằm thu hút khách DL. Các thực hành văn hóa truyền thống tộc người được thể hiện thông qua các “trình diễn”, sáng tạo bản sắc trong mô hình DLCĐ, đó là lúc nguồn lực văn hóa được khai thác tạo nên những sản phẩm DL độc đáo, phong phú. Dựa trên lý thuyết mà Goodwin & Rosa Santilli đưa ra, Nguyễn Công Thảo (2022) với nghiên cứu *Hoạt động du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số Việt Nam: Một đích đến nhiều con đường* đã khẳng định nguồn lực tự nhiên và văn hóa đóng vai trò quan trọng và hỗ trợ cho nhau, là điều kiện tiên quyết để mô hình DLCĐ phát triển. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, không chỉ có các nguồn lực (tự nhiên, văn hóa - xã hội), tính đa dạng của sản phẩm DL là lý do để giữ chân du khách lâu hơn trong DLCĐ.

Bên cạnh đó, các bài tạp chí cũng đề cập đến việc khai thác các nguồn lực cho phát triển DLCĐ: Bùi Thị Bích Lan (2019) phân tích và nêu lên những giá trị của nghề thủ công và làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của một số tộc người thiểu số tỉnh Hà Giang cho

² Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang được UNESCO công nhận là thành viên của mạng lưới công viên địa chất toàn cầu năm 2010 và tái công nhận lần 2 vào năm 2018, lần 3 vào năm 2023.

phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển DL nói riêng; Phạm Thị Cẩm Vân (2023), trên cơ sở phân tích thực trạng sản xuất, các dịch vụ DL được cung cấp tại một số làng nghề (làng nghề rèn Pắc Ràng, làng nghề làm giấy bản Quốc Dân, làng nghề hương Phia Thấp) ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Bài viết cho thấy, không phải bất cứ làng nghề nào cũng có thể cung cấp một loại dịch vụ DLCĐ mà phải dựa trên đặc trưng nghề, mức độ phát triển của từng cộng đồng và điều kiện của địa phương để lựa chọn một số dịch vụ DL cho phù hợp; Nguyễn Văn Tân (2023) lại tập trung khai thác lễ hội dân gian của cộng đồng các dân tộc và khẳng định đây là nguồn lực quan trọng trong phát triển DLCĐ, du lịch văn hóa ở nước ta; Các kết quả nghiên cứu cho thấy: DLCĐ đã giúp người dân nơi đây có thêm thu nhập trong sinh kế, tuy nhiên việc khai thác các giá trị văn hóa cho phát triển DLCĐ nơi đây còn tồn tại một số vấn đề: công tác bảo tồn các giá trị văn hóa chưa đảm bảo, ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của các cộng đồng đang ở mức thấp; đội ngũ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, khai thác văn hóa tộc người cho phát triển DL vừa thiếu, vừa yếu và mới đang ở mức độ tự phát, thiếu tính chiến lược lâu dài.

** Khai thác nguồn lực tự nhiên trong phát triển du lịch*

Nước ta được biết đến với 3/4 diện tích tự nhiên là đồi núi điều này tạo nên sự đa dạng về cảnh quan thiên nhiên. Một số nguồn lực về tự nhiên đã kết hợp cùng nguồn lực văn hóa để phát triển DLCĐ như: Cảnh quan đá vôi độc đáo ở Công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn (Hà Giang), công viên địa chất toàn cầu Unesco non nước Cao Bằng; khu vực Mù Cang Chải, Sa Pa với hệ thống cảnh quan ruộng bậc thang đặc sắc; khu vực cao nguyên Mộc Châu với hang động, thác nước và vườn cây hoa nhiệt đới,...

Cùng với hướng nghiên cứu về khai thác các nguồn lực văn hóa, nhiều nhà nghiên cứu lại quan tâm khai thác các nguồn lực mà đặc biệt là nguồn lực tự nhiên nhằm đánh giá sự phù hợp của các nguồn lực ấy cho tổ chức lãnh thổ phát triển DL nói chung và DLCĐ nói riêng (Phạm Hoàng Hải, Lê Thu Hương, 2013; Trần Đức Thanh, 2014). Về cơ bản, các nghiên cứu theo hướng đánh giá này đều thực hiện theo các bước: lựa chọn tiêu chí đánh giá, xác định điểm đánh giá và phân bậc mức độ thuận lợi cho phát triển DL. Trong đó, một số tiêu chí thường hay được lựa chọn: Bộ tiêu chí về tiềm năng nội lực (giá trị thẩm mỹ, giá trị giải trí, giá trị văn hóa lịch sử, giá trị khoa học, đa dạng sinh học...) và ngoại lực (khả năng liên kết, khả năng tiếp cận, chất lượng cơ sở lưu trú...).

Phạm Thị Cẩm Vân (2018) đã tìm hiểu các nguồn lực tự nhiên, văn hóa - xã hội trong phát triển DL sinh thái dựa vào cộng đồng ở huyện miền núi Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Khu vực Mộc Châu với các điều kiện về khí hậu, các cảnh quan thiên nhiên độc đáo cùng bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương, tác giả đã đưa ra một số gợi ý về loại hình phù hợp với phát triển DL sinh thái dựa vào cộng đồng như: Homestay và trải nghiệm không gian văn hóa bản làng, trải nghiệm nông nghiệp nông thôn, DL mạo hiểm. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đã xem xét sự tham gia của cộng đồng với mỗi loại hình DL và lợi ích về kinh tế mà DL sinh thái dựa vào cộng đồng đem lại. Tuy nhiên, nghiên cứu lại chưa nhấn mạnh đến vai trò của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà quản lý và các công ty lữ hành, cũng như những thách thức mà DL sinh thái dựa vào cộng đồng đang gặp phải. Một khía cạnh khác nhấn mạnh việc khai thác các nguồn lực tự nhiên trong phát triển DLCĐ thường được đề cập đó là các nghiên cứu về Du lịch trải nghiệm nông nghiệp nông thôn. Để có thể phát triển các mô hình du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp, những người cung cấp dịch vụ du lịch này phải sử dụng khai thác nguồn tài nguyên tự nhiên (đất, nước, khí hậu) để phát triển các sản phẩm nông nghiệp của địa phương (Ngô Thị Phương Lan và cộng sự, 2021) cho rằng, ba điều kiện chính để du lịch nông nghiệp nông thôn phát triển đó là: địa phương có nhiều tiềm năng du lịch nông nghiệp (cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất nông nghiệp); du lịch nông nghiệp được lựa chọn phát triển ở địa phương; và du lịch nông nghiệp phải cải thiện được đời sống của cộng đồng.

** Khai thác nguồn lực kinh tế xã hội và các nguồn lực khác trong phát triển du lịch*

Với các nguồn lực đặc biệt về văn hóa và tự nhiên của đất nước cho phát triển DL, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản để định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong đó có phát triển DLCĐ. Luật Du lịch được ban hành năm 2017 đã khẳng định: DLCĐ là loại hình DL được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi (Quốc hội, 2017). DLCĐ đã, đang được Chính phủ và rất nhiều địa phương xác định là loại hình DL được ưu tiên phát triển, đặc biệt là vùng DTTS. Bởi lẽ, loại hình DL này được đánh giá là có vai trò tích cực trong việc giảm nghèo, phát triển kinh tế, lưu giữ bản sắc văn hóa tộc người, bảo vệ môi trường, thúc đẩy hội nhập xã hội.

Để hợp thức hóa cũng như thúc đẩy DLCĐ phát triển, Chính phủ đã ban hành nhiều chiến lược phát triển du lịch: Năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW về Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành quyết định 147/QĐ - TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”. Đặc biệt, năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024 về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững trong thời gian tới. Trong đó, Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương thực hiện một trong các nhiệm vụ “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa bản địa đặc sắc, cảnh quan tự nhiên độc đáo cho phát triển du lịch bền vững...”. Trên quyết định đó, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã tiến hành xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển DL cụ thể gắn với địa phương.

Đề cập về nguồn lực xã hội trong phát triển DLCĐ, một số nội dung được quan tâm như mạng lưới xã hội, các chính sách của Chính phủ và định hướng của địa phương,... Mạng lưới xã hội có thể được hiểu là một cấu trúc xã hội do cá nhân hay tổ chức tạo lập qua các điểm nút được gắn bó bằng một hay nhiều kiểu phụ thuộc lẫn nhau như bạn bè, họ hàng, mối quan tâm chung, trao đổi về tài chính,... (Vương Xuân Tình, 2019). Trong nghiên cứu về DLCĐ, Trương Văn Cường (2022) với nghiên cứu *Mạng lưới xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng của người Giáy ở huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang* đã chỉ ra rằng: nguồn lực về xã hội có thể nhìn nhận dưới các mối quan hệ trong xã hội có tác động đến DL. Chẳng hạn, đó là các quan hệ xã hội truyền thống (dòng họ, hôn nhân,...), mạng lưới xã hội hiện đại (các mối quan hệ chính quyền địa phương, người dân, nhóm kinh doanh,...), mạng lưới xã hội online (fanpage giới thiệu sản phẩm DL, Zalo, Facebook,...). Nguồn lực này giúp tiếp cận, chia sẻ thông tin về DL, tạo sự tương trợ hay cạnh tranh về DL. Bên cạnh mạng lưới xã hội, các chính sách phát triển kinh tế địa phương của Chính phủ là những định hướng cho việc triển khai các mô hình DLCĐ ở nhiều địa bàn trên cả nước (Nguyễn Văn Minh, 2021). Nguyễn Ngọc Thanh (2020) qua việc phân tích thực trạng văn hóa cảnh quan bản làng trong hoạt động DL, việc thực hiện các chính sách của tỉnh Hà Giang cho phát triển DLCĐ, đã phân nào cho thấy vai trò của việc thực hiện các chính sách cho hoạt động DLCĐ tại địa phương này.

4. Vai trò của du lịch cộng đồng trong phát triển

Xét trên phương diện tổng quát, DLCĐ đem lại một số vai trò trong phát triển địa phương được các nghiên cứu đưa ra bao gồm:

Một là, DLCĐ tạo thu nhập bền vững. DLCĐ có thể cung cấp công việc trực tiếp đến các cư dân địa phương bằng việc cung cấp các dịch vụ ăn uống, Homestay, dẫn đường,..., hoặc có thể tài trợ một số hoạt động thông qua việc phổ biến lợi ích từ các điểm DL. Nghiên cứu của tác giả Đỗ Thúy Mùi (2010) chỉ ra một số đóng góp của DLCĐ khi thực hiện nghiên cứu ở Tây Bắc là giúp người dân tăng thêm thu nhập thông qua cung cấp các dịch vụ: nghỉ tại nhà dân, ăn uống, trải nghiệm thực tế với các công việc đồng áng của từng bản, xem biểu diễn văn nghệ, chế biến và thưởng thức ẩm thực của các bản làng. Ở khu vực miền núi phía

Bắc, Hoàng Thị Phương Nga, Nguyễn Hồng Vân (2019) khi nghiên cứu về DLCĐ của người Lự ở Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu, cho thấy: trong hơn 100 nóc nhà sàn ở Bản Hon có khoảng 5 nhà có khả năng phục vụ khách lưu trú; mức thu tiền 70.000 đồng/đêm/khách. Những năm gần đây khách tới Bản Hon tham quan ngày càng nhiều vì thế thu nhập của các gia đình khá dần lên. DLCĐ ở Bản Hon đã góp phần tăng thu nhập cho ít nhất 20% số dân thuộc đối tượng nghèo ở địa phương thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho du khách.

Hai là, DLCĐ giúp bảo tồn văn hóa truyền thống. Thông qua các mô hình DLCĐ, văn hóa truyền thống của người dân địa phương được khôi phục và bảo tồn. Nguyễn Văn Minh (2021) đưa ra một số mô hình DLCĐ được các địa phương áp dụng nhằm bảo tồn văn hóa cộng đồng: “Mô hình bảo tồn và phát huy tổng thể các giá trị văn hóa truyền thống/ độc đáo tiêu biểu của dân tộc Nùng thôn Nấm Ngà, xã Cốc Rế, huyện Xín Mần, thành làng văn hóa DLCĐ kiểu mẫu dân tộc Nùng ở khu vực phía Tây phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”. Tại Mai Châu (Hòa Bình), thông qua DLCĐ, có tới 80% các hộ người Thái giữ được kiến trúc nhà sàn truyền thống (Trần Thị Huệ, 2024). Tại Lào Cai, các viên tri thức dân gian trong chữa bệnh được phát triển thành thương hiệu tấm lá thuốc người Dao Đỏ ở Tả Phìn, Sa Pa phục vụ cho DLCĐ (Nguyễn Thị Hải, Dương Thị Thủy, 2010).

Ba là, phát triển DLCĐ góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên môi trường của người dân địa phương. Thông qua DLCĐ, diện tích rừng đặc dụng ở Mai Châu (Hòa Bình) được bảo vệ tốt hơn, tỷ lệ che phủ rừng của địa phương này cao hơn so với trung bình cả nước (Nguyễn Công Thảo, 2022).

5. Những trở ngại cho phát triển du lịch cộng đồng

Du lịch cộng đồng được coi là một trong những công cụ để phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, hoạt động này cũng gặp phải những khó khăn thách thức trong quá trình triển khai. Một số khó khăn, thách thức được các nghiên cứu đề cập đó là:

- *Bất cập về mặt chính sách*: Mặc dù DLCĐ đã được nêu rõ trong Luật Du lịch Việt Nam (Quốc hội, 2017), tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có một bộ tiêu chí hay quy định cụ thể nào để áp dụng cho DLCĐ và khẳng định chất lượng của DLCĐ (Trần Quốc Hùng, 2019). Bên cạnh đó, tại các địa phương phát triển DLCĐ, mặc dù có sự đầu tư nhưng thiếu tính bền vững do chính sách chưa đồng bộ giữa khâu cung ứng nguồn lực với việc tạo việc làm cho người dân, thiếu sự cân bằng giữa lợi ích cộng đồng với các tổ chức bên ngoài.

- *Vấn đề biến đổi văn hóa*: Bằng những nghiên cứu tại các điểm khác nhau, nhóm tác giả Đặng Thị Diệu Trang cùng cộng sự (2019) đưa ra quan điểm rằng: Mặc dù DLCĐ đem lại nguồn lợi về kinh tế như tạo việc làm, tăng thu nhập, giúp người dân địa phương giao lưu văn hóa với khách DL đến từ những vùng địa lý khác nhau. Tuy nhiên, sự xuất hiện ồ ạt của nhiều luồng văn hóa khác nhau cũng ít nhiều khiến văn hóa địa phương thay đổi, bên cạnh đó cũng tạo ra vấn đề thương mại hóa văn hóa và phai nhạt văn hóa truyền thống.

- *Dịch bệnh và suy thoái môi trường*: Dịch bệnh Covid-19 là một trong những lý do khiến DL nói chung và DLCĐ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Việt Hà (2021), cho biết: lượng khách DL đến Đà Bắc giảm gần 67%, doanh thu DL giảm 56%, các nguồn sinh kế khác cũng bị sụt giảm thu nhập 30-52% so với trước đại dịch. Trước những khó khăn này, một số hộ gia đình chọn thay đổi sang các sinh kế khác; số còn lại lựa chọn tiếp tục duy trì hoạt động DL bằng cách giảm thiểu chi phí, tìm kiếm nguồn khách nội địa, tranh thủ thời gian dịch bệnh để tu sửa cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực DL. Dịch bệnh Covid-19 đã đặt ra yêu cầu về chăm sóc sức khỏe tại hệ thống y tế cấp cơ sở. Đặc biệt tại vùng DTTS, nơi hệ thống cơ sở còn chưa thực sự phát triển thì đây là một thách thức đối với DLCĐ vùng này. DLCĐ phát triển sẽ đồng nghĩa với xuất

hiện lượng lớn khách DL và xây dựng các cơ sở hạ tầng (nhà nghỉ, các khu dịch vụ,...) nếu việc này làm thiếu quy hoạch sẽ dẫn đến phá vỡ cảnh quan sinh thái, môi trường bị ô nhiễm.

Bên cạnh ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái môi trường, thực trạng thiên tai và biến đổi khí hậu đã và đang có những tác động nhất định đến hoạt động du lịch nói chung và đến DLCĐ nói riêng.

6. Một vài nhận xét và kết luận

Nghiên cứu về DLCĐ ở nước ta đã được thực hiện những năm 1990 nhưng đến năm 2017 Luật Du lịch mới chính thức đưa ra khái niệm về DLCĐ (Trần Đức Thanh, 2014). Thông qua việc khai thác các nguồn lực tài nguyên tự nhiên, văn hóa, xã hội ở các địa phương mà DLCĐ đã dần phát triển. Cho đến nay, thông qua phát triển DLCĐ tại các địa phương cho thấy DLCĐ góp phần cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương và phát triển bền vững. Mặc dù vậy, phát triển DLCĐ đang gặp phải những trở ngại và đó có thể là một trong những nguyên nhân khiến DLCĐ có thể chưa thực sự thành công. Cũng quan điểm lo ngại rằng, hoạt động DLCĐ có thực sự mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương bởi cộng đồng địa phương tham gia với vai trò bị động và chỉ là nhóm hưởng lợi thứ yếu trong khi đó hầu hết lợi ích từ hoạt động DLCĐ được khởi xướng bởi các tổ chức bên ngoài (Nguyễn Công Thảo, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2019). Có thể thấy, tài nguyên tự nhiên, bản sắc văn hóa, điều kiện xã hội là điều kiện cần để DLCĐ phát triển; cộng đồng địa phương là yếu tố quan trọng duy trì hoạt động DLCĐ. DLCĐ nếu có sự tham gia bình đẳng, tích cực của các bên liên quan đặc biệt là của cộng đồng địa phương thì không chỉ đạt được lợi ích về kinh tế, mà vấn đề bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới phát triển bền vững sẽ là kết quả mà DLCĐ mang lại.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Thị Hải Yến. (2008). *Du lịch cộng đồng*. Nxb. Giáo dục.
- Bùi Thị Bích Lan. (2019). Nghề thủ công và làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của một số tộc người thiểu số tỉnh Hà Giang: giá trị, chính sách và giải pháp bảo tồn, phát huy. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 5.
- Đặng Thị Diệu Trang, Phạm Quỳnh Phương, Nguyễn Tuệ Chi, Nguyễn Thị Yên. (2019). *Du lịch dựa vào cộng đồng và sự biến đổi văn hóa địa phương*. Nxb. Hội nhà văn.
- Đinh Trọng Thu. (Chủ biên, 2022). *Khai thác tài nguyên văn hóa để phát triển du lịch bền vững vùng Tây Bắc*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Đỗ Thị Mùi. (2010). *Nghiên cứu tổ chức lãnh thổ du lịch tỉnh Sơn La*. [Luận án Tiến sĩ Địa lý, Đại học Sư phạm Hà Nội].
- Giampiccoli, A., & Mtapuri, O., *Gazeta de Antropología*. (2017). Beyond community-based tourism. Towards a new tourism sector classification system, *Gazeta de Antropología*. 3 (1), artículo 11.
- Goodwin, H., & Santilli, (2009). R.Community-based tourism: A success. *ICRT Occasional paper*. 11(1), 37.
- Hoàng Thị Phương Nga, Nguyễn Hồng Vân. (2019). Phát triển du lịch cộng đồng trở thành sinh kế bền vững ở Lai Châu (Nghiên cứu trường hợp người Lự ở Bản Hòn - Tam Đường - Lai Châu). *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. Số 201 (8).
- Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Việt Hà. (2021). Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến du lịch cộng đồng huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*. Số 3.
- Ngô Thị Phương Lan, Nguyễn Thị Vân Hạnh, Trần Tuyên. (2021). Phát triển du lịch nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long - góc nhìn từ doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. *Tạp chí Khoa học xã hội*. Số 9.
- Nguyễn Thị Hải, Dương Thị Thủy. (2010). Đa dạng hóa hình thức tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái ở xã San Sả Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Trong: *Hội thảo khoa học quốc tế Địa lý Đông Nam Á lần thứ X*. Nxb. Đại học Sư phạm.

- Nguyễn Văn Tân. (2023). *Phát triển du lịch cộng đồng*. Nxb. Hà Nội.
- Nguyễn Ngọc Thanh. (2020). Thực trạng và chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa bản/làng các dân tộc thiểu số góp phần phát triển du lịch. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 2.
- Nguyễn Công Thảo, Nguyễn Thị Thanh Bình. (2019). Du lịch cộng đồng trên thế giới: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 7.
- Nguyễn Công Thảo. (2020). Trờ ngại hay nguồn lực: Hai cách nhìn về phát triển du lịch cộng đồng của người Chăm ở An Giang. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 1.
- Nguyễn Công Thảo. (2022). *Hoạt động du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, một đích đến, nhiều con đường*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Nguyễn Văn Minh. (Chủ biên, 2021). *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas. (2000). *Community Based Sustainable Tourism A Reader*, Washington DC. WWF, USA, vol 1/2000.
- Phạm Hoàng Hải, Lê Thu Hương. (2013). Đánh giá các nguồn lực ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại vườn quốc gia Ba Bể (Bắc Kạn). Trong Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ VII, Thái Nguyên.
- Phạm Hồng Long, Lê Thị Huyền Trang. (2022). Phát triển du lịch làng nghề truyền thống: Cơ sở lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 6.
- Phạm Thị Cẩm Vân. (2018). *Cơ sở khoa học cho phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng huyện miền núi Mộc Châu, tỉnh Sơn La*. [Luận án Tiến sĩ Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Phạm Thị Cẩm Vân, Đoàn Việt. (2021). *Du lịch cộng đồng khu vực Tây Bắc Việt Nam: cơ hội và thách thức*. Trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ VI: *Chủ động hội nhập và phát triển bền vững*.
- Phạm Thị Cẩm Vân. (2023). Thực trạng du lịch cộng đồng tại một số làng nghề ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 3.
- Phạm Thị Trâm. (2024). Phát triển du lịch bền vững tại công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*. Số 3.
- Quốc hội. (2017). *Luật Du lịch*. Số 09/2017/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2018.
- Quỹ châu Á và Viện nghiên cứu và phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam. (2012). *Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng*.
- Trần Đức Thanh. (Chủ biên, 2014). *Một số vấn đề về du lịch sinh thái cộng đồng và an sinh xã hội tại vườn Quốc gia Cúc Phương*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa. (2010). Nhận thức về du lịch cộng đồng ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp. Trong: *Hội thảo khoa học quốc tế Địa lí Đông Nam Á lần thứ X*. Nxb. Đại học Sư phạm.
- Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa. (2017). *Giáo trình địa lý du lịch*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Thị Huệ. (2024). Bản Lác, điểm du lịch văn hóa dân tộc người Thái Mai Châu Hòa Bình, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 3.
- Trần Quốc Hùng. (2019). Du lịch cộng đồng - sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trong Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Trung tâm Thông tin Du lịch. (2023). Thống kê du lịch. <https://thongke.tourism.vn/index.php/news/items/147>
- Tổng cục Du lịch. (2019). *Báo cáo thường niên du lịch Việt Nam năm 2019*. Nxb. Lao động.
- Trương Văn Cường. (2022). Mạng lưới xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng của người Giáy ở huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Trong Kỷ yếu hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2021: *Phát triển kinh tế bền vững của các tộc người ở nước ta hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Võ Quế. (2006). *Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.
- Vương Xuân Tình. (2019). Nghiên cứu về mạng lưới xã hội trên thế giới. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 1.